

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN

- ▶ *Giá tôm thẻ chân trắng tại Thái Lan tuần từ ngày 13 đến ngày 19/7/2020 giảm 2 – 3% so với tuần trước đó.*
- ▶ *Sản xuất và xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo tháng 6 và tháng 7/2020 giảm mạnh do nhu cầu thị trường giảm.*
- ▶ *Ngành nuôi cá của Gha-na bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19.*
- ▶ *Tháng 6/2020, xuất khẩu cá tra, cá ngừ tiếp tục gặp khó khăn trong khi xuất khẩu tôm các loại, cá đông lạnh, cá khô, mực, cua và gẹ tăng trưởng khả quan.*
- ▶ *Tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2020, Hoa Kỳ có xu hướng đẩy mạnh nhập khẩu tôm nước ấ đông lạnh cỡ 15/20.*

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN THẾ GIỚI

- **Thái Lan:** Giá tôm thẻ chân trắng tại Thái Lan tuần từ ngày 13 đến ngày 19/7/2020 giảm 2 – 3% so với tuần trước đó. Giá tôm cỡ 60 con/kg giảm 2% xuống 157,5 Bath (tương đương 4,95 USD)/kg; tôm cỡ 70 và 80 con/kg giảm xuống còn lần lượt 147 Bath/kg và 142,5 Bath/kg. Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm 2019 giá tôm thẻ chân trắng của Thái Lan tăng từ 3 – 7%, trong đó giá tôm cỡ 60 con/kg tăng mạnh nhất.

- **Ê-cu-a-đo:** Sản xuất và xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo tháng 6 và tháng 7/2020 giảm mạnh do nhu cầu thị trường giảm. Tại các khu vực như Barbones, Pagua, Huaquillas và Santa Rosa, một số cơ sở sản xuất phải cắt giảm nhân công hoặc ngừng hoạt động.

Trong khi đó, xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo tháng 6 sang thị trường Trung Quốc giảm mạnh, đạt 59 triệu lb (tương đương 25,4 nghìn tấn), giảm 49,1% so với mức 116 triệu lb (tương đương 52,6 nghìn tấn) của tháng 6/2020; và dự kiến chỉ đạt 11 triệu lb (tương đương khoảng 5 nghìn tấn) trong tháng 7/2020. Xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo sang Trung Quốc giảm do Cơ quan Hải quan Trung Quốc đã đình chỉ nhập khẩu tôm từ 3 công ty xuất khẩu tôm lớn của Ê-cu-a-đo (gồm Santa Priscila, Empacadora Del Pacico Sociedad Anonima Edpacif và Empacreci) do phát hiện virus corona trên bao bì sản phẩm.

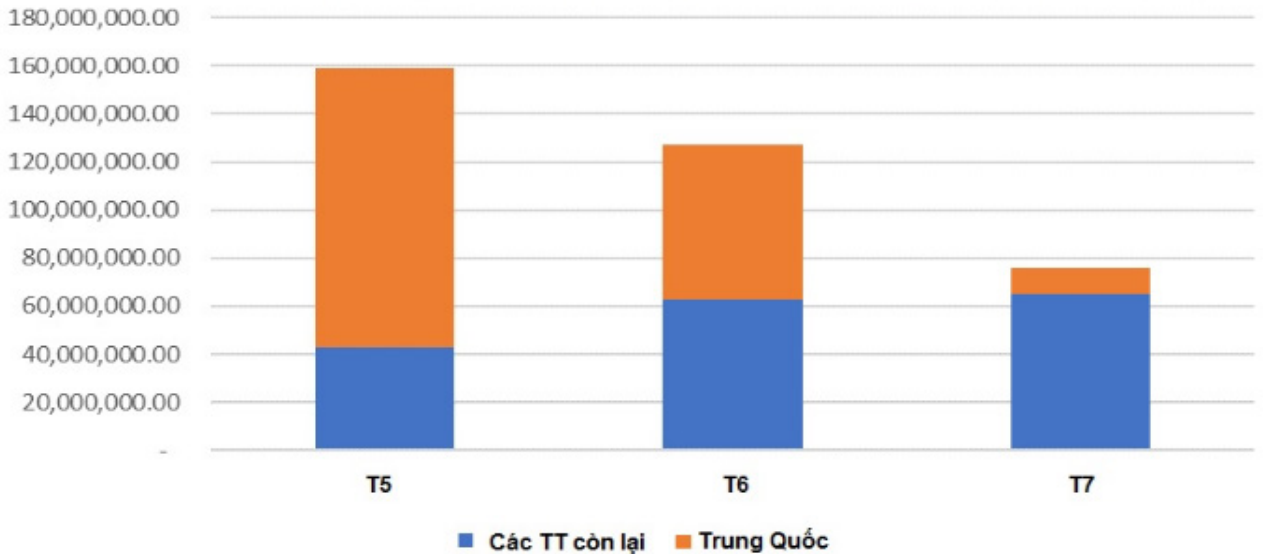


Các cơ quan chức năng Ê-cu-a-đo đang đề nghị Trung Quốc xem lại quyết định này và đưa ra các dẫn chứng về việc thực phẩm, container chở thực phẩm hoặc bao bì thực phẩm liên quan đến lây nhiễm và phát tán virus corona.

Do gặp khó khăn tại thị trường Trung Quốc, Ê-cu-a-đo chuyển hướng xuất khẩu tôm sang thị trường Hoa Kỳ. Các nhà xuất khẩu tôm Ê-cu-a-đo lên phương án hạ giá tôm xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ. Trên thị trường Hoa Kỳ, tôm cỡ 21/25 con/kg đã giảm từ 3,60 USD/lb vào giữa tháng 6/2020 xuống 3,15 USD/lb trong tháng 7/2020. Tuy nhiên, xuất khẩu của Ê-cu-a-đo cũng gặp trở ngại do Hoa Kỳ vẫn hạn chế việc mở cửa trở lại dịch vụ thực phẩm nhằm ngăn chặn sự lây lan của dịch Covid-19. Các nhà cung cấp Ê-cu-a-đo vẫn còn lúng túng trong việc đóng gói sản phẩm đúng quy cách để phục vụ ngành bán lẻ. Các block tôm đông lạnh từ 2-5 kg phục vụ nhà hàng phải chuyển đổi thành tôm lột vỏ, bỏ chỉ lưng đóng túi 1-2 lb để phục vụ bán lẻ.

Xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo từ tháng 5 đến tháng 7/2020

ĐVT: lb



Giá xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo sang Hoa Kỳ có khả năng tiếp tục giảm nếu xuất khẩu sang Trung Quốc không cải thiện. Các khách hàng nhập khẩu tôm Hoa Kỳ lớn đang đàm phán lại giá, ngay cả khi tôm đang trong quá trình vận chuyển. Tôm Ê-cu-a-đo có lợi thế khi chỉ mất 20 ngày để vận chuyển tới thị trường Hoa Kỳ, trong khi tôm Ấn Độ phải mất 45 – 60 ngày để vận chuyển tới thị trường này.

Giá tôm Ê-cu-a-đo giảm cũng sẽ tác động đến giá tôm Ấn Độ, đặc biệt khi tồn kho tôm Ấn Độ ở mức cao và vài tuần tới sẽ vào vụ thu hoạch tôm mới.

- *Gha-na*: Ngành nuôi cá của Gha-na bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19. Doanh thu của các trang trại cá tại Gha-na đã giảm hơn 50% do các nhà hàng, khách sạn, quán bar và chợ thực phẩm đóng cửa.

Giá cá rô phi và cá da trơn tại Gha-na vẫn chưa phục hồi sau khi giảm đáng kể. Giá cá rô phi tại trang trại hiện là 12 cedis/kg (tương đương 48.783 đ/kg), giảm so với 18 cedis/kg (tương đương 73.176 đ/kg) trước đó; cá da trơn giao dịch ở mức 14 cedis/kg (tương đương 56.914 đ/kg), giảm so với 18 cedis/kg trước đó.



TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU THỦY SẢN

Theo tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan, tháng 6/2020 xuất khẩu thủy sản các loại đạt 158,05 nghìn tấn, trị giá 719,23 triệu USD, giảm 6,2% về lượng, nhưng tăng 0,3% về trị giá so với tháng 6/2019. Tính chung 6 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu thủy sản các loại đạt 869,16 nghìn tấn, trị giá 3,6 tỷ USD, giảm 4,9% về lượng và giảm 7,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Tháng 6/2020, xuất khẩu cá tra, cá ngừ tiếp tục gặp khó khăn, trong khi xuất khẩu tôm các loại, cá đông lạnh, cá khô, mực, cua và ghẹ tăng trưởng khả quan so với cùng kỳ năm 2019. Tính chung 6 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu cá tra, surimi, cá ngừ, bạch tuộc giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2019, trong khi xuất khẩu tôm, cá đông lạnh, mực, cua, ghẹ... tăng.

Mặt hàng thủy sản xuất khẩu tháng 6 và 6 tháng năm 2020

Mặt hàng	Tháng 6/2020		So với tháng 6/2019 (%)		6 tháng năm 2020		So với 6 tháng năm 2019 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng	158.053	719.227	-6,2	0,3	869.164	3.603.675	-4,9	-7,4
Cá tra, basa	57.629	110.712	-19,6	-35,2	339.238	665.794	-12,2	-30,5
Tôm các loại	36.441	347.866	8,2	19,9	166.734	1.503.912	5,6	5,7
Cá đông lạnh	18.309	77.867	12,5	9,1	106.622	433.475	9,3	3,5
Surimi	12.161	24.311	-2,6	-1,8	69.397	141.062	-8,6	-9,3
Cá ngừ các loại	9.822	51.825	-31,3	-22,6	59.742	291.310	-14,8	-20,2
Cá khô	4.763	15.618	32,5	-8,1	29.525	101.763	-4,3	-2,0
Mực các loại	4.586	26.565	24,6	15,1	23.739	131.170	9,2	-5,6
Bạch tuộc các loại	3.288	21.102	-1,8	-2,5	16.411	105.924	-23,0	-27,7
Nghêu các loại	3.208	6.323	12,2	26,2	15.427	28.488	-9,7	-11,7
Cá đóng hộp	2.664	7.259	-12,9	-0,2	12.937	33.917	-5,8	-5,8
Cua các loại	941	11.696	216,8	181,5	3.994	48.752	81,3	86,0
Ghẹ các loại	859	4.533	116,1	-15,3	3.425	20.522	50,9	-25,2
Ruốc	844	1.214	7,4	47,4	6.608	8.529	71,2	50,8
Sứa	832	2.357	1.614,5	5.975,4	2.206	4.483	16,5	150,5
Mắm	758	1.658	7,4	29,3	6.899	12.063	46,3	34,5
Sò các loại	183	1.380	67,9	50,1	1.041	7.754	53,8	39,5
Trứng cá	179	2.788	-32,3	-18,9	1.318	20.785	-12,9	-6,3
Ốc các loại	167	979	-18,9	45,6	940	3.921	-20,3	36,3
Mặt hàng khác	421	3.173	-42,6	34,8	2.958	40.050	1,8	212,4

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

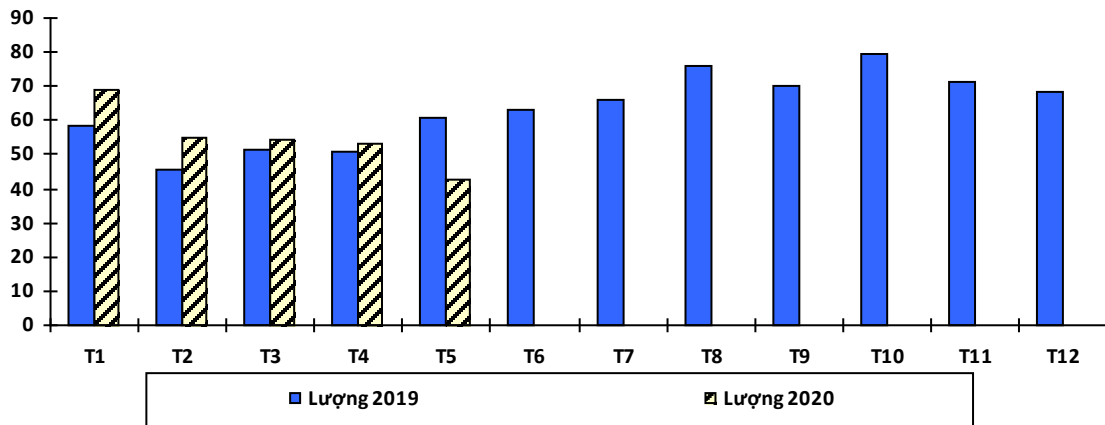
DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG TÔM NHẬP KHẨU CỦA HOA KỲ VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM TRONG 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

Theo thống kê của NMFS, tháng 5/2020 nhập khẩu tôm của Hoa Kỳ đạt 42,88 nghìn tấn, trị giá 396,2 triệu USD, giảm 29,3% về lượng và giảm 32,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Tính chung 5 tháng đầu năm 2020, nhập khẩu tôm của Hoa Kỳ đạt 273,8 nghìn

tấn, trị giá 2,54 tỷ USD, tăng 2,5% về lượng và tăng 1,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Như vậy, nhập khẩu tôm của Hoa Kỳ sau khi liên tục tăng trong 4 tháng đầu năm 2020 đã giảm mạnh trong tháng 5/2020.

Nhập khẩu tôm của Mỹ năm 2019 - 2020

DVT: nghìn tấn



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của NMFS

Trong 5 tháng đầu năm 2020, nhập khẩu tôm nước ấm của Hoa Kỳ chiếm 72,46% trong tổng lượng tôm nhập khẩu của nước này, đạt 198,4 nghìn tấn, trị giá 1,67 tỷ USD, tăng 1,8% về lượng và tăng 3,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, nhập khẩu tôm nước ấm bóc vỏ đông lạnh đạt 111,1 nghìn tấn, trị giá 952,5 triệu USD, giảm 2,3% về lượng, nhưng tăng 0,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Tôm cỡ 21/25, 31/40 và 20/30

là những chủng loại tôm nước ấm nhập khẩu lớn của Hoa Kỳ. Tuy nhiên, tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2020, Hoa Kỳ có xu hướng đẩy mạnh nhập khẩu tôm nước ấm đông lạnh cỡ 15/20.

Tôm hùm và tôm tẩm bột là chủng loại tôm nhập khẩu lớn tiếp theo. Trong 5 tháng đầu năm 2020, nhập khẩu tôm hùm giảm, trong khi nhập khẩu tôm tẩm bột tăng so với cùng kỳ năm 2019.



Chủng loại tôm nhập khẩu chính của Hoa Kỳ tháng 5 và 5 tháng năm 2020

Chủng loại	Tháng 5/2020		So với tháng 5/2019 (%)		5 tháng năm 2020		So với cùng kỳ năm 2019 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tôm nước ấm	26.905	222.064	-35,1	-33,6	198.433	1.671.685	1,8	3,5
Tôm nước ấm bóc vỏ ĐL	14.308	124.100	-41,0	-36,9	111.114	952.517	-2,3	0,2
Tôm nước ấm nguyên con ĐL <15	1.336	17.581	-7,3	-24,4	9.089	135.568	18,7	12,1
Tôm nước ấm nguyên con ĐL >70	167	679	-69,1	-76,3	1.435	6.889	-24,7	-30,2
Tôm nước ấm nguyên con ĐL 15/20	2.227	19.569	26,3	16,2	12.551	122.028	33,9	33,8
Tôm nước ấm nguyên con ĐL 21/25	2.441	19.905	-41,2	-42,5	19.904	169.617	6,4	6,6
Tôm nước ấm nguyên con ĐL 26/30	1.884	13.924	-23,6	-23,8	13.823	105.403	18,0	17,5
Tôm nước ấm nguyên con ĐL 31/40	2.518	15.480	-31,1	-33,9	14.518	92.388	-5,5	-8,1
Tôm nước ấm nguyên con ĐL 41/50	1.049	5.530	-31,2	-37,3	8.288	45.990	-1,9	-7,1
Tôm nước ấm nguyên con ĐL 51/60	655	3.752	-48,3	-48,9	5.498	30.046	2,1	-1,2
Tôm nước ấm nguyên con ĐL 61/70	273	1.348	-31,5	-36,6	2.051	10.280	-13,2	-18,3
Tôm nước ấm nguyên con tươi	47	196	73,1	25,0	154	870	15,9	10,9
Tôm nước ấm bóc vỏ tươi			-100,0	-100,0	9	89	-64,8	-72,3
Tôm đông lạnh khác	6.087	60.069	-8,1	-10,7	32.295	325.541	4,3	3,8
Tôm hùm	4.828	76.507	-26,8	-44,7	14.090	327.634	-18,3	-16,3
Tôm tẩm bột	3.968	28.052	-10,7	-6,3	22.164	155.962	24,9	25,4
Tôm chế biến	790	7.417	-33,9	-35,6	4.678	47.353	-3,5	-2,0
Tôm đóng hộp	162	1.713	-35,5	-45,7	871	12.522	-11,3	-8,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của NMFS

Tháng 5/2020, nhập khẩu tôm của Hoa Kỳ giảm mạnh do nhập khẩu từ Ấn Độ, Ê-cu-a-đo, Thái Lan và Ca-na-đa giảm mạnh, trong khi nhập khẩu từ In-đô-nê-xi-a vẫn tăng so với cùng kỳ năm 2019.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2020, nhập khẩu tôm của Hoa Kỳ từ Ấn Độ đạt 99,7 nghìn tấn, trị giá 852,96 triệu USD, tăng 4,8% về lượng và tăng 8,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019; nhập khẩu từ In-đô-nê-xi-a đạt

63,17 nghìn tấn, trị giá 547,98 triệu USD, tăng 24,4% về lượng và tăng 25,6% về trị giá; nhập khẩu từ Ê-cu-a-đo đạt 37,73 nghìn tấn, trị giá 230,39 triệu USD, tăng 12% về lượng và tăng 6,5% về trị giá. Việt Nam là thị trường cung cấp tôm lớn thứ 4 cho Hoa Kỳ trong 5 tháng đầu năm 2020, đạt 16,69 nghìn tấn, trị giá 173,5 triệu USD, giảm 1,7% về lượng và giảm 2,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Thị trường nhập khẩu tôm các loại cho Hoa Kỳ trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2020

Thị trường	Tháng 5/2020		So với tháng 5/2019 (%)		5 tháng năm 2020		So với cùng kỳ năm 2019 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng	42.885	396.290	-29,3	-32,2	273.868	2.545.967	2,5	1,5
Ấn Độ	8.600	72.089	-57,8	-56	99.722	852.956	4,8	8,2
In-đô-nê-xi-a	13.006	111.354	10,5	13	63.168	547.979	24,4	25,6
Ê-cu-a-đo	5.773	33.559	-25,2	-31,9	37.730	230.388	12,0	6,5
Việt Nam	3.432	35.839	-6,2	-4	16.692	173.471	-1,7	-2,7
Thái Lan	2.684	29.608	-15,6	-13,2	12.458	137.782	-18,5	-15,5
Ca-na-đa	4.802	72.979	-27,3	-44,7	12.342	243.231	-21,2	-23
Mê-hi-cô	929	8.856	-4,1	-21,1	8.233	99.529	-16,9	-13,5
Ăc-hen-ti-na	1.211	13.276	-8	-10,6	5.703	61.529	15,7	9,7
Trung Quốc	1.112	5.648	-42,9	-48,4	5.628	29.949	-29,3	-38,5
Pê-ru	429	2.995	-47,6	-52,4	2.307	16.344	-35	-40,8
Thị trường khác	907	10.087	-60,5	-61,4	9.885	152.809	-25,6	-6,1

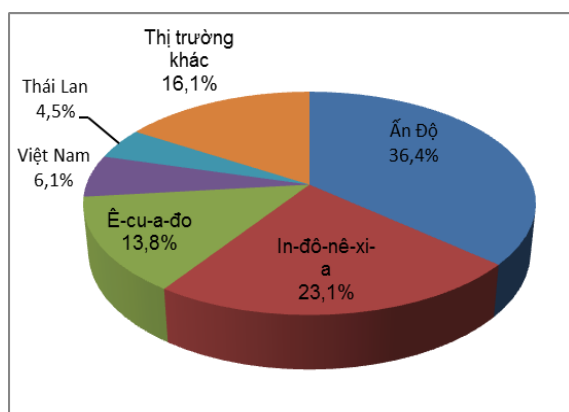
Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của NMFS

Cơ cấu thị trường cung cấp tôm cho Hoa Kỳ trong 5 tháng đầu năm 2020 có thay đổi khi thị phần của In-đô-nê-xi-a, Ê-cu-a-đo và Ấn Độ tăng, trong khi thị phần của Việt Nam, Thái Lan giảm.

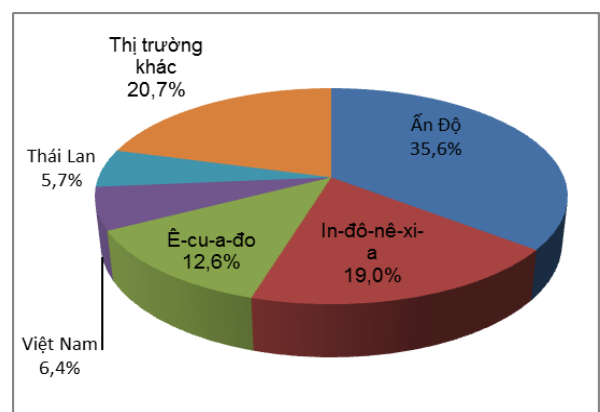
Cơ cấu thị trường cung cấp tôm cho Hoa Kỳ

(Tỷ trọng tính theo lượng)

5 tháng đầu năm 2020



5 tháng đầu năm 2019



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của NMFS